

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Chiêu**

2. Bà **Võ Tuyết Kha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

Bị đơn: Chị **Lê Thị Út N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời Ki có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Út N tự nguyện sống chung từ năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, không còn tình cảm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Út N.

Về con chung: Anh và chị Út N có hai người con chung là Lê Nguyên V, sinh ngày 09/5/2010 và Lê Vũ K, sinh ngày 06/6/2017, hiện con đang sống chung với chị Út N. Khi ly hôn anh M đồng ý giao hai người con chung cho chị Út N được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Út N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời Ki.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PLphát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận anh M và chị Út N là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao hai người con chung tên Lê Nguyên V, sinh ngày 09/5/2010 và Lê Vũ K, sinh ngày 06/6/2017 cho chị Lê Thị Út N trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn M có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Út N, chị Út N đang cư trú trên địa bàn huyện PLnên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PLthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Út N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh M và chị Út N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy anh M và chị Út N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng anh M và chị Út N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và đã có hai người con chung mà không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa anh M và chị Út N là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay anh M yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh M và chị Út N

[4] Về con chung: Anh M xác định hai người con chung tên Lê Nguyên V, sinh ngày 09/5/2010 và Lê Vũ K, sinh ngày 06/6/2017, hiện con đang sống chung với chị Út N. Xét thấy khi anh M và chị Út N ly thân đến nay, chị Út N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V và cháu K. Khi ly hôn, anh M đồng ý giao cháu V và cháu K cho chị Út N tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi

đường. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS năm 2015, phải lấy ý kiến của con chung 7 tuổi trở lên. Tuy nhiên, cháu V và cháu K hiện tại đang sống với chị Ut N và chị Ut N không hợp tác nên không tiến hành lấy được lời Ki của cháu V, theo anh M xác định hiện cháu V và cháu K được chị Ut N chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và phát triển tốt. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại của cháu V, cháu K nên cần tiếp tục giao cháu Lê Nguyên V, sinh ngày 09/5/2010 và Lê Vũ K, sinh ngày 06/6/2017 cho chị Lê Thị Ut N trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn M có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Ut N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn M và chị Lê Thị Ut N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Lê Nguyên V, sinh ngày 09/5/2010 và Lê Vũ K, sinh ngày 06/6/2017 cho chị Lê Thị Ut N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006256 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Chị Lê Thị Ut N không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Như